

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 22/4/2021

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đức Lâm; ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/03/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1971(Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972(vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

(Anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh T kết hôn với nhau năm 1990 nhưng ngày tháng cụ thể chị không nhớ rõ. Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự do tìm hiểu nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn vì công việc quá bận. Sau khi kết hôn chị và anh T đoàn tụ ngay và chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T bỏ bê vợ con đi chung

sống với người khác, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng dần nứt. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2001 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Thị Thành, sinh ngày 08/10/1994 và Nguyễn Văn Hùng, sinh ngày 10/6/1996. Hiện nay, cả hai con chung đã trưởng thành có khả năng lao động và xây dựng gia đình. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung giữa chị với anh T.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà đất, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2021 anh T trình bày: Năm 1990 bố mẹ anh có tổ chức xây dựng gia đình cho anh và chị Nguyễn Thị C theo phong tục truyền thống của địa phương. Tuy nhiên, tại thời điểm vợ chồng cưới nhau vì anh chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên vợ chồng không tiến hành đăng ký kết hôn và có bị phạt hành chính. Sau khi vợ chồng cưới nhau thì chị C về nhà anh làm dâu ngay. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm ăn xa nên chị C ở nhà không đồng ý, vợ chồng sút mẻ tình cảm, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tết năm 2021 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Anh và chị C đã lớn tuổi, suy nghĩ chín chắn nên hai gia đình không tiến hành hòa giải. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị C không còn chị C xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị C có hai con chung là Nguyễn Thị Thành, sinh ngày 08/10/1994 và Nguyễn Văn Hùng, sinh ngày 10/6/1996. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành có khả năng lao động và xây dựng gia đình. Vì vậy, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung giữa anh và chị C.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà đất, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên chị xác định trước đây chị chưa hiểu về quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Sau khi được tòa án giải thích về quy định pháp luật chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 228; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị C, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác : Không giải quyết

Về án phí: chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn T là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Ngọc Liên, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Văn T tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không thực hiện việc đăng ký

kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống đến năm 2003 thì giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài từ đó cho đến nay ngày một tăng lên. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị C trình bày là do anh T đi làm ăn xa và có quan hệ bất chính với người khác, vì vậy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, còn anh T cho rằng do anh đi làm ăn xa nên chị C không đồng ý. Vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên cãi chửi nhau. Do đó, chị C có đơn đề nghị Tòa án không công nhận chị với anh T là vợ chồng. Quá trình xác minh chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc chị C và anh T không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị C với anh T sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong một thời gian dài, nay cả hai xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị C và anh T xác định có 02 con chung là Nguyễn Thị Thành, sinh ngày 08/10/1994 và Nguyễn Văn Hùng, sinh ngày 10/6/1996. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành có khả năng lao động và nhận thức, các con đã xây dựng gia đình nên việc ở với ai quyền của các con. Nay chị C và anh T cùng không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C là người nộp đơn khởi kiện nên căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 228; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000685 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Châu Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Oanh

